

Số: 104/2020/HDBS-CV

TP. HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2020

V/v: CBTT Báo cáo tài chính và Báo cáo
tỷ lệ an toàn tài chính bán niên 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB
Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: 028.6283 6888 Fax: 028.6283 8666
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Thành Chung
Chức vụ: Người đại diện theo pháp luật
Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu

1. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo Tài chính 06 tháng đầu năm 2020 được soát xét.
- Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2019 được soát xét.

2. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/08/2020 tại đường dẫn: <https://www.hdbs.vn/news.html>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



NGUYỄN THÀNH CHUNG

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN HDB CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 105/2020/HDBS-CV

TP. HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2020

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trong BCTC 06 tháng đầu năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB xin Giải trình về việc lợi nhuận thay đổi từ 10% so với cùng kỳ năm trước như sau: Do doanh thu hoạt động môi giới tăng so với cùng kỳ năm trước nên lợi nhuận sau thuế ở kỳ báo cáo này tăng.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THÀNH CHUNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	6 - 11
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG	12 - 13
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	14 - 17
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG	18 - 19
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	20 - 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2020.

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia), là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005804 ngày 27/12/2006, hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 47/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 28/12/2006. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung, điều chỉnh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 206/UBCK-GP ngày 12 tháng 03 năm 2009;
- Giấy phép điều chỉnh số 364/UBCK-GP ngày 01 tháng 11 năm 2010;
- Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 03 năm 2011;
- Giấy phép điều chỉnh số 36/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 06 năm 2011;
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 08 năm 2011;
- Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 08 năm 2018;
- Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK ngày 07 tháng 08 năm 2019;
- Giấy phép điều chỉnh số 76/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 12 năm 2019;
- Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 31 tháng 03 năm 2020;

Vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020: 155.000.000.000 đồng.

Vốn pháp định đến ngày 30 tháng 06 năm 2020: 85.000.000.000 đồng

Tên giao dịch và trụ sở

Tên giao dịch tiếng Anh của Công ty là: HDB SECURITIES CORPORATION.

Tên viết tắt là: HDBS

Trụ sở chính đặt tại: Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đakao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính: Môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Đoàn Duy Ái
Ông Phạm Khắc Dũng
Bà Nguyễn Thị Tích

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phó Chủ tịch
Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Việt Hà
Bà Ngô Thị Thu Thảo
Bà Lê Thị Thảo Bạch

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Chung
Ông Tổng Minh Tuấn
Ông Tổng Minh Tuấn
Ông Nguyễn Thành Long
Bà Nguyễn Thị Tích

Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 12/02/2020)
Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11/02/2020)
Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 12/02/2020)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Ông Nguyễn Thành Chung
Ông Tổng Minh Tuấn

Tổng Giám đốc (từ ngày 31/03/2020)
Tổng Giám đốc (đến ngày 31/03/2020)

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM (“AISC”) được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2020.

CAM KẾT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng, và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Bản Thuyết minh cho Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2020.

XÁC NHẬN

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THÀNH CHUNG

Tổng Giám đốc

Tp. HCM, Ngày 14 tháng 08 năm 2020



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited
Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

Số: A0720265-SXR/AISC-DN5 **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của **Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB** (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2020, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của **Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB** tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019 và cho năm tài chính 2019 đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần và ý kiến chấp nhận toàn phần lần lượt vào các ngày 12/8/2019 và ngày 15/3/2020.

Tp. HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2020

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ HÙNG DŨNG

Số Giấy CNĐKHNKT: 3174-2020-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B01-CTCK

			Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		466.539.782.989	191.464.752.374
I. Tài sản tài chính	110		461.221.396.573	191.443.752.374
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.2	134.545.956.183	144.118.682.929
1.1 Tiền	111.1		134.545.956.183	13.118.682.929
1.2 Các khoản tương đương tiền	111.2		-	131.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	V.3.1	954.940.020	695.688.554
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.3.2	110.107.000.000	34.107.000.000
4. Các khoản cho vay	114	V.3.3	198.790.840	671.215.680
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	-
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		-	-
7. Các khoản phải thu	117		-	-
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		-	-
7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
7.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		-	-
8. Trả trước cho người bán	118	V.4	51.051.965.851	10.163.984.937
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.5.1	35.202.467.378	587.000.000
10. Phải thu nội bộ	120		-	-
11. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12. Các khoản phải thu khác	122	V.5.2	129.160.276.301	1.100.180.274
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		-	-
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		5.318.386.416	21.000.000
1. Tạm ứng	131	V.6	4.876.094.196	21.000.000
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.7.1	442.292.220	-
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		-	-
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	-
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136		-	-
7. Tài sản ngắn hạn khác (tiền gửi ký quỹ của Công ty tại VSD)	137		-	-
8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	138		-	-
9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B01-CTCK

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

			Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.648.331.809	26.627.032.063
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
1. Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2. Các khoản đầu tư	212		-	-
2.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		-	-
2.2 Đầu tư vào công ty con	212.2		-	-
2.3 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	212.3		-	-
2.4 Đầu tư dài hạn khác	212.4		-	-
3. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		-	-
II. Tài sản cố định	220		114.729.962	94.201.065
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	114.729.962	94.201.065
- Nguyên giá	222		5.705.585.455	5.645.595.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(5.590.855.493)	(5.551.394.390)
- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý	223b		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226a		-	-
- Đánh giá TSCĐTTC theo giá trị hợp lý	226b		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		488.049.164	488.049.164
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(488.049.164)	(488.049.164)
- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232a		-	-
- Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý	232b		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		5.533.601.847	26.532.830.998
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.10.1	792.291.050	792.291.050
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.7.2	131.422.412	21.502.798.408
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		-	-
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	V.10.2	4.609.888.385	4.237.741.540
5. Tài sản dài hạn khác (tiền nộp Quỹ bù trừ Chứng khoán phái sinh).	255		-	-
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		472.188.114.798	218.091.784.437

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B01-CTCK

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

			Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		285.021.875.713	36.690.327.288
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		285.021.875.713	36.690.327.288
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	V.11	84.653.802.454	-
1.1 Vay ngắn hạn	312		84.653.802.454	-
2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn-Cấu phần nợ	315		-	-
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	-
5. Vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	317		-	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	-
7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		-	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	V.12	126.630.000.000	16.248.752.211
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	V.13	12.597.197.837	16.218.038.956
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.14	3.478.391.069	4.001.636.288
11. Phải trả người lao động	323	V.15	687.230.821	-
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		41.931.297	-
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.16	56.711.422.402	-
14. Phải trả nội bộ ngắn hạn	326		-	-
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	-
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	-
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		221.899.833	221.899.833
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		-	-
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		-	-
20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	332		-	-
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính dài hạn	341		-	-
2. Vay tài sản tài chính dài hạn	344		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - Cấu phần nợ	345		-	-
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346		-	-
5. Phải trả người bán dài hạn	347		-	-
6. Người mua trả tiền trước dài hạn	348		-	-
7. Chi phí phải trả dài hạn	349		-	-
8. Phải trả nội bộ dài hạn	350		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		-	-
10. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354		-	-
13. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho NĐT	355		-	-
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		-	-
15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	357		-	-

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

			Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		187.166.239.085	181.401.457.149
I. Vốn chủ sở hữu	410		187.166.239.085	181.401.457.149
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.17.1	155.000.000.000	155.000.000.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		155.000.000.000	155.000.000.000
- a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		155.000.000.000	155.000.000.000
- b. Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		-	-
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	411.2		-	-
1.3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu thành vốn	411.3		-	-
1.4 Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5 Cổ phiếu quỹ	411.5		-	-
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		1.332.672.513	1.332.672.513
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		1.332.672.513	1.332.672.513
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		1.313.672.513	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	V.17.2	28.187.221.546	23.736.112.123
7.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		28.181.021.196	23.988.105.239
7.2 Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện	417.2		6.200.350	(251.993.116)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		472.188.114.798	218.091.784.437

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B01-CTCK

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

			Đơn vị tính: VND		
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020	
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT					
1.	Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-	
2.	Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-	
3.	Tài sản nhận thế chấp	003	-	-	
4.	Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-	
5.	Ngoại tệ các loại	005	-	-	
6.	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006	V.17.3	15.500.000	15.500.000
7.	Cổ phiếu quỹ	007		-	-
8.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	V.18	761.690.000	754.100.000
a.	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		761.690.000	754.100.000
b.	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	008.2		-	-
c.	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	008.3		-	-
d.	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	008.4		-	-
e.	Tài sản tài chính chờ thanh toán	008.5		-	-
f.	Tài sản tài chính chờ cho vay	008.6		-	-
g.	Tài sản tài chính ký quỹ đảm bảo khoản vay	008.7		-	-
9.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		3.640.000	3.640.000
a.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	009.1		3.640.000	3.640.000
b.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	009.2		-	-
c.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	009.3		-	-
d.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	009.4		-	-
10.	Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		-	-
11.	Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của CTCK	011		-	-
12.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	V.19	800.000.000	800.000.000
13.	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

— Mẫu số B01-CTCK

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

			Đơn vị tính: VND		
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			30/06/2020	01/01/2020	
	Mã số	Thuyết minh			
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG					
Số lượng chứng khoán					
1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	V.20	6.805.753.920.000	7.229.820.710.000
a.	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		3.868.591.440.000	3.845.802.080.000
b.	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		3.640.000	-
c.	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		2.926.685.740.000	3.366.080.430.000
d.	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		10.250.000.000	16.196.400.000
e.	Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		223.100.000	1.741.800.000
2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		-	20.140.000
a.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		-	20.140.000
3.	Tiền gửi của khách hàng	026	V.21	41.692.823.266	20.686.563.081
3.1	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		41.669.307.146	20.672.161.276
3.2	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		-	-
3.3	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		1.960.125.588	6.842.068.177
a.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước	029.1		1.941.000.220	6.248.800.132
b.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài	029.2		19.125.368	593.268.045
3.4	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		23.516.120	14.401.805
4.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.22	41.304.507.087	27.278.129.123
4.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		41.285.381.719	24.281.759.867
4.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		19.125.368	2.996.369.256
5.	Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	034	V.23	364.800.059	219.692.818
6.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		15.591.768	16.407.512



Kế toán trưởng
NGUYỄN THỊ NGỌC LÀNH
 Tp. HCM, Ngày 14 tháng 08 năm 2020



Tổng Giám đốc
NGUYỄN THÀNH CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Mẫu số B02-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

		Đơn vị tính: VND			
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019	
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	2.088.759.481	7.693.195.517	
a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	-	7.632.882.168	
b.	Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	VI.1	299.538.643	60.313.349
c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC FVTPL	01.3	VI.2	1.789.220.838	-
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VI.2	4.356.595.041	6.922.066.034
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VI.2	345.708.693	572.063.191
1.4	Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		-	-
1.5	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VI.2	92.327.446.092	4.173.419.112
1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		758.989.151	1.566.949.596
1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		27.272.727	6.400.000.000
1.8	Thu nhập hoạt động khác	11		65.000.000	34.900.000
Cộng doanh thu hoạt động		20	99.969.771.185	27.362.593.450	
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21	42.020.354	18.414.510	
a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	-	-	
b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	VI.2	42.020.354	18.414.510
2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	VI.3	182.194.787	-
2.3	Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	13.158.603.251
2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	VI.3	81.998.849.925	3.170.616.730
2.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VI.3	1.171.982.060	1.569.376.772
2.6	Chi chí hoạt động tư vấn tài chính	31	VI.3	-	133.333.333
Cộng chi phí hoạt động		40	83.395.047.126	18.050.344.596	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020


Mẫu số B02-CTCK

		Đơn vị tính: VND		
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		267.867.346	799.224.404
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50	VI.4	267.867.346	799.224.404
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chi phí lãi vay	52		908.088.411	66.142.258
Cộng chi phí tài chính	60	VI.5	908.088.411	66.142.258
V. CHI BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.6	8.398.646.276	6.333.004.941
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		7.535.856.718	3.712.326.059
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71		-	-
8.2 Chi phí khác	72		-	-
Cộng kết quả hoạt động khác	80		-	-
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		7.535.856.718	3.712.326.059
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		7.277.663.252	3.670.427.220
9.2 Lợi nhuận (Lỗ) chưa thực hiện	92		258.193.466	41.898.839
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		1.752.074.782	726.235.080
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.7	1.752.074.782	726.235.080
10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		5.783.781.936	2.986.090.979
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		-	-
13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu.	501	VI.8	287	193
13.2 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu.	502	VI.9	287	193



Kế toán trưởng
NGUYỄN THỊ NGỌC LÀNH
 Tp. HCM, Ngày 14 tháng 08 năm 2020




 Tổng Giám đốc
NGUYỄN THÀNH CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B03b-CTCK

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

					Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019		
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		7.535.856.718	3.712.326.059		
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		679.682.168	(3.020.041.590)		
- Khấu hao TSCĐ	03		39.461.103	34.461.937		
- Chi phí lãi vay	06		908.088.411	66.142.258		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(267.867.346)	(759.972.582)		
- Dự thu tiền lãi	08		-	(1.248.679.452)		
- Các khoản điều chỉnh khác	09		-	(1.111.993.751)		
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		42.020.354	18.414.510		
- Lỗ đánh giá các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		42.020.354	18.414.510		
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(299.538.643)	(60.313.349)		
- Lãi đánh giá các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(299.538.643)	(60.313.349)		
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(102.392.427.143)	(66.157.692.480)		
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua Lãi Lỗ FVTPL	31		(424.468.983)	1.107.724.929		
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(76.000.000.000)	(155.934.465.753)		
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		472.424.840	(696.630.180)		
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(34.615.467.378)	(5.000.000.000)		
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(168.948.076.941)	-		
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(5.227.241.041)	(6.828.904.035)		
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí Lãi vay)	41		56.444.578.833	1.208.245.590		
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		20.929.083.776	(28.451.563)		
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		(3.980.674.852)	(1.781.589.082)		
(-) Lãi vay đã trả	44		(641.244.842)	(66.142.258)		
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		110.381.247.789	22.324.000.000		
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		41.931.297	-		
- Tăng (giảm) thuế và khác khoản phải nộp nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		1.705.354.851	(82.676.840)		
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		687.230.821	-		
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(3.217.105.313)	79.621.196.712		
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	60		(94.434.406.546)	(65.507.306.850)		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B03b-CTCK

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

		Đơn vị tính: VND		
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	60		(94.434.406.546)	(65.507.306.850)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(59.990.000)	-
2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		267.867.346	759.972.582
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		207.877.346	759.972.582
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay gốc	73		136.170.712.218	314.900.000.000
3.1 Tiền vay khác	73.2		136.170.712.218	314.900.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(51.516.909.764)	(134.900.000.000)
4.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(51.516.909.764)	(134.900.000.000)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	75		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		84.653.802.454	180.000.000.000
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(9.572.726.746)	115.252.665.732
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101		144.118.682.929	161.473.862.488
- Tiền	101.1		13.118.682.929	150.430.316.058
- Các khoản tương đương tiền	101.2		131.000.000.000	11.043.546.430
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103		134.545.956.183	276.726.528.220
- Tiền	103.1		134.545.956.183	62.621.895.089
- Các khoản tương đương tiền	103.2		-	214.104.633.131

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI,
ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng	10			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		308.287.106.100	3.277.940.268.110
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(542.081.910.650)	(2.023.084.218.076)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		558.708.192.546	2.470.958.731.641
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(322.796.883.796)	(3.886.553.708.414)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		47.864.585	(903.661.360)
6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		12.006.300.676	159.474.267.757
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		14.170.669.461	(2.168.320.342)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		27.514.229.453	100.963.274.046
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		27.514.229.453	100.963.274.046
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		20.672.161.276	28.936.411.528
Trong đó có kỳ hạn:				
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	33		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		-	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	35		6.842.068.177	72.026.862.518
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	36		-	-
Các khoản tương đương tiền	37		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	38		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B03b-CTCK

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI,
ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		41.684.898.914	98.794.953.704
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41		41.684.898.914	98.794.953.704
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (Trong đó có kỳ hạn)	42		41.669.307.146	92.991.355.093
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		-	5.803.598.611
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		15.591.768	-
Các khoản tương đương tiền	46		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-



Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGỌC LÀNH

Tp. HCM, Ngày 14 tháng 08 năm 2020



Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B04-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ		Đơn vị tính: VND
	01/01/2019	01/01/2020	06 tháng đầu năm 2019		06 tháng đầu năm 2020		30/06/2019	30/06/2020	
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	155.000.000.000	155.000.000.000	-	-	-	-	155.000.000.000	155.000.000.000	
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	155.000.000.000	155.000.000.000	-	-	-	-	155.000.000.000	155.000.000.000	
2. Quỹ dự trữ vốn điều lệ	-	1.332.672.513	-	-	-	-	-	1.332.672.513	
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	1.332.672.513	-	-	-	-	-	1.332.672.513	
4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	1.332.672.513	19.000.000	-	1.313.672.513	
5. Lợi nhuận chưa phân phối	14.496.818.502	23.736.112.123	2.986.090.979	1.111.993.751	5.783.781.936	1.332.672.513	16.370.915.730	28.187.221.546	
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	13.412.048.690	23.988.105.239	2.944.192.140	-	5.525.588.470	1.332.672.513	16.356.240.830	28.181.021.196	
5.2. Lợi nhuận (Lỗ) chưa thực hiện	1.084.769.812	(251.993.116)	41.898.839	1.111.993.751	258.193.466	-	14.674.900	6.200.350	
Tổng cộng	169.496.818.502	181.401.457.149	2.986.090.979	1.111.993.751	7.116.454.449	1.351.672.513	171.370.915.730	187.166.239.085	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

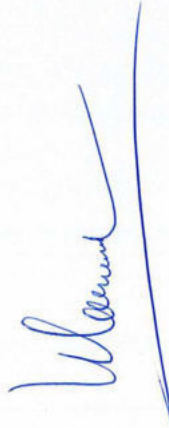
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Mẫu số B04-CTCK

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	01/01/2019	01/01/2020	06 tháng đầu năm 2019		06 tháng đầu năm 2020		30/06/2019	30/06/2020
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
II. Thu nhập toàn diện khác								
Tổng cộng	-	-	-	-	-	-	-	-



Kế toán trưởng
NGUYỄN THỊ NGỌC LÀNH
Tp. HCM, Ngày 14 tháng 08 năm 2020



Đại diện theo pháp luật
NGUYỄN THÀNH CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Mẫu số B09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia), là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005804 ngày 27/12/2006, hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 47/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 28/12/2006. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung, điều chỉnh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 206/UBCK-GP ngày 12 tháng 03 năm 2009;
- Giấy phép điều chỉnh số 364/UBCK-GP ngày 01 tháng 11 năm 2010;
- Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 03 năm 2011;
- Giấy phép điều chỉnh số 36/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 06 năm 2011;
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 08 năm 2011;
- Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 08 năm 2018;
- Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK ngày 07 tháng 08 năm 2019;
- Giấy phép điều chỉnh số 76/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 12 năm 2019;
- Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 31 tháng 03 năm 2020;

Vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020: 155.000.000.000 đồng.

Tên giao dịch và trụ sở

Tên giao dịch tiếng Anh của Công ty là: HDB SECURITIES CORPORATION.

Tên viết tắt: HDBS

Trụ sở chính đặt tại: Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đakao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

3. Hoạt động kinh doanh chính:

Môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

4. Hạn chế đầu tư:

Thực hiện theo điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2012 và mục 14, điều 1, Thông tư 07/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư 210/2012, do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 01 năm 2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung. Cụ thể:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - + Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - + Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - + Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - + Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; + Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau: + Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện; + Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%); + Không đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; - Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán và niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam ("VND") và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty phát sinh giao dịch. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỉ giá mua vào của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do giao dịch trong hoạt động kinh doanh và lãi lỗ thuần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được ghi nhận là thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu riêng và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo Cáo Tài Chính”.

Các báo cáo tài chính bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng, báo cáo kết quả hoạt động riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và không được chủ định trình bày theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi hoạt động, các khoản tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và các khoản tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được trình bày riêng biệt tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán Tài sản tài chính (TSTC) ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, TSTC sẵn sàng để bán, các khoản cho vay, nợ tài chính:

2.1 Nguyên tắc ghi nhận, phân loại và đánh giá lại tài sản tài chính.

2.1.1 Nguyên tắc ghi nhận, phân loại tài sản tài chính.

Công ty chỉ ghi nhận các tài sản tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty được phân loại thành các nhóm sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu tại ngày đầu tư, gồm: “Tài sản tài chính thông qua lãi và lỗ (“FVTPL”)", “khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn (“HTM”)", “cho vay và phải thu” và “Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)"

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): Tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính với kỳ vọng sinh lời.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty phân loại tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua (là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh, không bao gồm các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL, như: phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng). Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị tài sản tài chính này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.

TSTC được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: TSTC là nợ cho vay hoặc khoản phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc TSTC là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại TSTC được phân loại nhóm khác khi bán cần phải phân loại vào FVTPL.

Các TSTC FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính FVTPL phải được ghi nhận theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

b) TSTC nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): HTM là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ đáo hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- ✓ Các TSTC phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được CTCK xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL).
- ✓ Các TSTC phi phái sinh đã được Công ty xếp vào loại sẵn sàng để bán (AFS), và
- ✓ Các TSTC phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ thì các tài sản tài chính HTM phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải xác định lại theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

c) TSTC sẵn sàng để bán (AFS): AFS thuộc danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là (a) Các khoản cho vay và phải thu, (b) Các khoản đầu tư TSTC AFS được phép phân loại sang các nhóm: FVTPL, HTM.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Khi lập và trình bày báo cáo tài chính, phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính AFS do đánh giá lại, được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu mà không thực hiện lập dự phòng khi khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bị giảm giá.

d) Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ ...

Các khoản cho vay của Công ty bao gồm:

- ✓ Các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và nhận tài sản thế chấp của Bên cho vay theo hợp đồng vay bằng các tài sản tài chính đảm bảo tính thanh khoản trong cam kết cho vay và Công ty có thể bán các tài sản thế chấp phát sinh từ cam kết cho vay này;
- ✓ Các khoản cho vay với cam kết thanh toán tiền vay bằng tiền hoặc chuyển giao hoặc phát hành thêm một công cụ công cụ tài chính khác;
- ✓ Các khoản cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng margin hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng.

2.1.2 Nguyên tắc đánh giá lại các TSTC:

Việc đánh giá lại các TSTC FVTPL và AFS theo giá thị trường và giá hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với qui định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Công ty không đánh giá lại đối với cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) nếu không có báo giá của ba (03) công ty chứng khoán hoặc không có giao dịch trong vòng một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày cuối kỳ kế toán.

Đối với trái phiếu niêm yết: giá đánh giá lại là giá niêm yết trên hệ thống giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất.

Đối với trái phiếu chuyển đổi: được đánh giá theo giá trị hợp lý của cổ phiếu mà trái phiếu có thể chuyển đổi.

Đối với trái phiếu chưa niêm yết, công cụ thị trường tiền tệ, các công cụ phái sinh khác: việc đánh giá lại các tài sản tài chính này theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Tiền gửi có kỳ hạn cố định: trong trường hợp có khả năng bị tổn thất không thể thu hồi và mức độ rủi ro thì được đánh giá lại theo giá trị có thể thu hồi được (đã tính tới các khoản bảo hiểm tiền gửi có thể được nhận theo quy định của pháp luật về ngân hàng).

Đối với khoản đầu tư cho vay: Công ty nhận tài sản nhận thế chấp cho các khoản cho vay bằng tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS hoặc cho vay bằng tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán. Cuối kỳ kế toán, Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản thế chấp theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (đối với trường hợp không có giá thị trường) để yêu cầu Bên đi vay bổ sung tài sản thế chấp hoặc trích lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại TSTC FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo hai chỉ tiêu:

- ✓ Chênh lệch giảm do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chỉ tiêu chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ."

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

- ✓ Chênh lệch tăng do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chỉ tiêu chi tiết “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận thông qua nguyên tắc bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính, phần vốn chủ sở hữu tại chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính theo giá trị hợp lý” và được trình bày vào chỉ tiêu “Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán” trên Báo cáo kết quả hoạt động.

2.2 Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Cuối kỳ kế toán, Công ty đánh giá tình hình suy giảm giá trị các loại tài sản tài chính sau: Tài sản tài chính HTM và tài sản tài chính AFS. Nếu phát sinh giá trị suy giảm thì phải lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính. Nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm đã xác định trước đó, thì sẽ hoàn nhập khoản dự phòng đã lập.

Đối với tài sản tài chính HTM: Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty xem xét có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của một hoặc một nhóm các tài sản tài chính hay không. Nếu có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các nhóm tài sản tài chính này thì Công ty phải ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động - Phần lãi/lỗ.

Đối với các tài sản tài chính AFS: Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty xem xét có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị hợp lý của một hoặc một nhóm các tài sản tài chính AFS hay không. Nếu có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các nhóm tài sản tài chính này thì Công ty phải xác định giá trị hợp lý của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị và ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Đối với các tài sản thế chấp được tự do mua, bán trên thị trường chứng khoán, tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty xem xét có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy giá trị tài sản thuần có thể thực hiện được tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý bị giảm thấp hơn giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán thì Công ty thực hiện lập dự phòng giảm giá chi tiết theo từng loại tài sản nhận thế chấp dựa theo mức chênh lệch giảm giữa giá trị tài sản thế chấp và giá trị khoản cho vay.

3. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào

hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	3 – 5
Tài sản khác	3 – 10

6. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn:

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các TSTC: Toàn bộ giá trị phải thu bán các TSTC thuộc danh mục TSTC của CTCK phải theo dõi qua chỉ tiêu “Phải thu bán các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC: tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục TSTC của CTCK phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được phản ánh vào “Chi phí quản lý” trong kỳ.

7. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Chứng quyền mua có bảo đảm

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

Chứng quyền mua có bảo đảm được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý trên khoản mục “phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán”.

Các khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại chứng quyền mua có bảo đảm theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

chứng quyền mua có bảo đảm theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành.

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua lại các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ kế toán khi phát sinh.

Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Các khoản nợ phải trả của Công ty bao gồm các khoản vay, khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, khoản phải trả người bán, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

8. Các khoản vay và trái phiếu không chuyển đổi

Giá trị các khoản vay và trái phiếu không chuyển đổi được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác và được trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay và từng loại tài sản vay nợ.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Các quỹ: Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014. Mức cụ thể theo được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Phân chia lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

10. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

10.1 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính

a. Thu nhập từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS

Thu nhập từ tài sản FVTPL được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán đã bán ra hoặc chênh lệch tăng do đánh giá lại vào cuối kỳ theo giá trị hợp lý, phù hợp với các quy định của chuẩn mực kế toán các công cụ tài chính và quy định của Thông tư số 334/2016/TT-BTC và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

Thu nhập từ tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM và AFS được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán, ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá gốc chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM và AFS được ghi nhận khi quyền sở hữu đối với các khoản đầu tư của Công ty được xác lập trước ngày giao dịch không hưởng quyền và có thông báo chia cổ tức từ tổ chức phát hành. Cổ phiếu thường chỉ ghi tăng số lượng mà không ghi tăng doanh thu.

Thu nhập từ chứng quyền có bảo đảm

Thu nhập từ mua lại chứng quyền có bảo đảm trong kỳ được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá mua và giá đang ghi sổ.

Thu nhập phát sinh khi chứng quyền có bảo đảm đáo hạn ở trạng thái có lãi được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của chứng quyền và mức chênh giữa giá thanh toán và giá thực hiện của chứng quyền tại thời điểm đáo hạn.

Thu nhập phát sinh khi chứng quyền có bảo đảm đáo hạn ở trạng thái lỗ hoặc hòa vốn bằng giá trị ghi sổ của các chứng quyền tương ứng.

b. Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết)

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết hoặc đầu tư dài hạn khác được ghi nhận khi quyền sở hữu đối với các khoản đầu tư của Công ty được xác lập trước ngày giao dịch không hưởng quyền và có thông báo chia cổ tức từ tổ chức phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

Doanh thu từ tiền lãi là doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá gốc chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

10.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu từ dịch vụ và doanh thu khác

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán được xác định trên cơ sở mức phí và hoa hồng được hưởng theo thỏa thuận với tổ chức phát hành khi dịch vụ đã được thực hiện và có biên bản quyết toán với tổ chức phát hành chứng khoán. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán là mức phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư đã thực hiện trong kỳ.

Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán là khoản phí thu được của khách hàng về cung cấp các dịch vụ về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán.

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng bao gồm: tư vấn tài chính trên thị trường chứng khoán, tư vấn mua bán, sáp nhập....

Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản là khoản tiền thu được về cho thuê TSCĐ sử dụng thiết bị thông tin theo thỏa thuận giữa nhà đầu tư và công ty chứng khoán trong hợp đồng kinh tế hoặc văn bản thỏa thuận khác.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán: Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn) ...

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

13. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

14. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

15. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ✓ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản thuế ưu đãi chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ✓ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****1. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG KỲ**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)
a. Của Công ty	3.959.481	22.969.055.000
- Cổ phiếu	78	1.058.000
- Trái phiếu	3.959.403	22.967.997.000
b. Của nhà đầu tư	75.947.134	833.050.104.250
- Cổ phiếu	75.947.134	833.050.104.250
Cộng	79.906.615	856.019.159.250

2. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
- Tiền mặt	9.415.724	-
- Tiền gửi ngân hàng	134.513.024.339	13.104.281.124
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán	23.516.120	14.401.805
- Các khoản tương đương tiền	-	131.000.000.000
Cộng	134.545.956.183	144.118.682.929

3. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
1. Cổ phiếu niêm yết	533.949.910	944.409.140	532.927.820	684.515.100
+ IDJ	272.000.000	590.000.000	272.000.000	310.000.000
+ Cổ phiếu khác	261.949.910	354.409.140	260.927.820	374.515.100
2. Cổ phiếu chưa niêm yết	414.789.760	10.530.880	414.753.850	11.173.450
+ Công ty CP TM DL Địa ốc Đất Việt	400.000.000	-	400.000.000	-
+ Cổ phiếu chưa niêm yết khác	14.789.760	10.530.880	14.753.850	11.173.450
Tổng cộng	948.739.670	954.940.020	947.681.670	695.688.550

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.***3.2 Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	110.107.000.000	110.107.000.000	34.107.000.000	34.107.000.000
Tổng cộng	110.107.000.000	110.107.000.000	34.107.000.000	34.107.000.000

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm.

Trong đó, tổng giá trị tiền gửi có kỳ hạn là: 109.000.000.000 VND được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay Thuyết minh tại V.11.

3.3 Các khoản cho vay

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	198.790.840	198.790.840	671.215.680	671.215.680
Cộng	198.790.840	198.790.840	671.215.680	671.215.680

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.***3.4 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính**

30/06/2020

01/01/2020

STT	Các loại tài sản tài chính	Giá mua/giá gốc	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại	Giá mua/giá gốc	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
I	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	948.739.670	299.538.643	42.020.354	954.940.020	947.681.670	197.490.396	449.483.512	695.688.554
	- Cổ phiếu niêm yết	533.949.910	298.038.423	39.841.650	944.409.140	532.927.820	195.736.322	44.149.042	684.515.100
	- Cổ phiếu chưa niêm yết	414.789.760	1.500.220	2.178.704	10.530.880	414.753.850	1.754.074	405.334.470	11.173.454
II	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	110.107.000.000	-	-	110.107.000.000	34.107.000.000	-	-	34.107.000.000
	- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ trên 3 tháng đến 1 năm	110.107.000.000	-	-	110.107.000.000	34.107.000.000	-	-	34.107.000.000
III	Các khoản cho vay	198.790.840	-	-	198.790.840	671.215.680	-	-	671.215.680
	- Phải thu khách hàng về ứng trước tiền bán chứng khoán	198.790.840	-	-	198.790.840	671.215.680	-	-	671.215.680
	Tổng cộng	111.254.530.510	299.538.643	42.020.354	111.260.730.860	35.725.897.350	197.490.396	449.483.512	35.473.904.234

Đối với cổ phiếu của các công ty đã đăng ký niêm yết giao dịch trên sàn HOSE và HNX thì giá trị hợp lý là giá thị trường đóng cửa tại ngày 30 tháng 06 năm 2020. Đối với cổ phiếu của các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá thị trường đóng cửa tại ngày 30 tháng 06 năm 2020. Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá trung bình của giá tham khảo tại các công ty chứng khoán khác hoặc ghi nhận theo giá trị đầu tư ban đầu do không có giá tham khảo.

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng tới 1 năm được xác định bằng giá trị ghi sổ do các tài sản tài chính này không có giá thị trường và chưa có dấu hiệu suy giảm giá trị.

Đối với các khoản cho vay giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay do các khoản mục này không có giá thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.***4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2020	01/01/2020
- Ứng trước cho nhà đầu tư trái phiếu SVC	10.911.833.188	6.836.112.644
- Ứng trước cho nhà đầu tư trái phiếu SVG	33.351.839.515	3.255.624.347
- Ứng trước cho nhà đầu tư trái phiếu LSG	2.492.539.733	46.947.946
- Ứng trước cho nhà đầu tư trái phiếu TQL	1.600.528.762	-
- Ứng trước cho nhà đầu tư trái phiếu KV	2.662.224.653	25.300.000
- Trả trước cho người bán khác	33.000.000	-
Cộng	51.051.965.851	10.163.984.937

5. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	30/06/2020	01/01/2020
5.1. Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	35.202.467.378	587.000.000
- Công ty TNHH ĐT TM Quốc Tế Tâm Phát	13.312.478.770	-
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Satona	16.826.802.416	-
- Khách hàng khác	5.063.186.192	587.000.000
5.2. Phải thu khác	129.160.276.301	1.100.180.274
- Ủy thác mua trái phiếu (*)	125.000.000.000	-
+ Bà Lê Thị Thúy Ngọc	70.000.000.000	-
+ Ông Võ Minh Thành	55.000.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	4.160.276.301	1.100.180.274
Cộng	164.362.743.679	1.687.180.274

(*) Khoản ủy thác đầu tư để mua trái phiếu doanh nghiệp cho 2 cá nhân theo các hợp đồng ủy thác đầu tư có thời hạn 03 tháng, lãi suất theo lãi suất thực tế trên trái phiếu nhưng không thấp hơn mức tối thiểu cố định quy định theo từng hợp đồng.

6. TẠM ỨNG

	30/06/2020	01/01/2020
a. Tạm ứng		
- Ông Dương Công Ái	4.548.517.866	-
- Nhân viên khác	327.576.330	21.000.000
Tổng cộng	4.876.094.196	21.000.000
b. Tạm ứng cho bên liên quan		
- Ông Dương Công Ái	4.548.517.866	-
- Ông Nguyễn Thành Chung	15.619.530	-
Tổng cộng	4.564.137.396	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. ĐaKao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.***7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2020	01/01/2020
7.1. Chi phí trả trước ngắn hạn	442.292.220	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	430.475.554	-
- Chi phí chờ phân bổ khác	11.816.666	-
7.2. Chi phí trả trước dài hạn	131.422.412	21.502.798.408
- Chi phí công cụ, dụng cụ	125.707.829	253.926.607
- Chi phí dịch vụ trái phiếu chờ phân bổ	-	19.720.504.657
- Chi phí trả trước dài hạn khác	5.714.583	1.528.367.144
Tổng cộng	573.714.632	21.502.798.408

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	4.410.466.326	1.147.129.129	88.000.000	5.645.595.455
Mua trong kỳ	59.990.000	-	-	59.990.000
Số dư cuối kỳ	4.470.456.326	1.147.129.129	88.000.000	5.705.585.455
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu kỳ	4.316.265.261	1.147.129.129	88.000.000	5.551.394.390
Khấu hao trong kỳ	39.461.103	-	-	39.461.103
Số dư cuối kỳ	4.355.726.364	1.147.129.129	88.000.000	5.590.855.493
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	94.201.065	-	-	94.201.065
Số dư cuối kỳ	114.729.962	-	-	114.729.962

* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.393.992.138 VND.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	488.049.164	488.049.164
Số dư cuối kỳ	488.049.164	488.049.164
Khấu hao lũy kế		
Số dư đầu kỳ	488.049.164	488.049.164
Số dư cuối kỳ	488.049.164	488.049.164
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-

* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 488.049.164 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.***10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC****10.1 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược		
+ Đặt cọc thuê văn phòng	694.291.050	694.291.050
+ Ký cược, ký quỹ dài hạn khác	98.000.000	98.000.000
Cộng	792.291.050	792.291.050

10.2 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	30/06/2020	01/01/2020
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung kỳ	3.867.795.480	3.726.607.817
- Tiền lãi được phân bổ trong kỳ	622.092.905	391.133.723
Cộng	4.609.888.385	4.237.741.540

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM - CN Nguyễn Đình Chiểu (1)	84.653.802.454	84.653.802.454	-	-
Cộng	84.653.802.454	84.653.802.454	-	-

(1) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM – CN Nguyễn Đình Chiểu theo hợp đồng sau:
 - Hợp đồng sử dụng hạn mức tối ưu thanh toán số 703/2020/TƯTK-NĐC, ngày 15/04/2020, số dư vay nợ là: 84.653.802.454 VND, thời hạn không quá 12 tháng. Lãi suất vay tại thời điểm 30/06/2020 là 8%/năm

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2020	01/01/2020
- Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh	-	16.248.752.211
- Công ty Cổ phần Tài Chính Satona	10.942.000.000	-
- Công ty Cổ phần địa ốc Triệu Long	98.388.000.000	-
- Công ty TNHH ĐT TM Quốc tế Tâm Phát	7.200.000.000	-
- Công ty TNHH Triệu Quý Long	5.000.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Khải Vinh	5.100.000.000	-
- Phải trả người bán khác	100.000.000	-
Cộng	126.630.000.000	16.248.752.211

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. ĐaKao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.***13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/06/2020	01/01/2020
- Công ty Cổ phần địa ốc Triệu Long	12.597.197.837	16.218.038.956
Cộng	12.597.197.837	16.218.038.956

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2020	01/01/2020
- Thuế giá trị gia tăng	15.223.855	41.723.855
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	446.232.403	2.674.832.473
- Thuế thu nhập cá nhân	3.016.934.811	1.285.079.960
Cộng	3.478.391.069	4.001.636.288

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	30/06/2020	01/01/2020
- Lương tháng 6	687.230.821	-
Cộng	687.230.821	-

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2020	01/01/2020
- Lãi vay tổ chức tài chính	266.843.569	-
- Chi phí hoạt động môi giới trái phiếu (*)	55.662.983.678	-
- Chi phí phải trả khác	781.595.155	-
Cộng	56.711.422.402	-

(*) Đây là khoản chi phí phải trả Ngân hàng TMCP Phát Triển Tp. Hồ Chí Minh về hoạt động môi giới trái phiếu.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**17.1 Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	Vốn Điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận Đầu tư		Vốn góp thực tế tại ngày 30/06/2020	
	VNĐ	%	VNĐ	%
- Ngô Thị Thu Thảo	14.880.000.000	9,60%	14.880.000.000	9,60%
- Nguyễn Ngọc Lâm	15.345.000.000	9,90%	15.345.000.000	9,90%
- Lương Thị Thu Hằng	15.190.000.000	9,80%	15.190.000.000	9,80%
- Nguyễn Tiến Vũ	14.018.000.000	9,04%	14.018.000.000	9,04%
- Võ Thị Lai	15.190.000.000	9,80%	15.190.000.000	9,80%
- Nguyễn Quang Trung	40.300.000.000	26,00%	40.300.000.000	26,00%
- Phạm Thị Minh Huệ	10.084.500.000	6,51%	10.084.500.000	6,51%
- Các cổ đông khác	29.992.500.000	19,35%	29.992.500.000	19,35%
Cộng	155.000.000.000	100,00%	155.000.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. ĐaKao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.***17.2 Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã thực hiện	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chưa thực hiện	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu kỳ trước	13.412.048.690	1.084.769.812	14.496.818.502
- Lãi (lỗ) trong kỳ	2.944.192.140	41.898.839	2.986.090.979
- Giảm khác	-	(1.111.993.751)	(1.111.993.751)
Số dư cuối kỳ trước	16.356.240.830	14.674.900	16.370.915.730
Số dư đầu kỳ này	23.988.105.239	(251.993.116)	23.736.112.123
- Lãi (lỗ) trong kỳ	5.525.588.470	258.193.466	5.783.781.936
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.332.672.513)	-	(1.332.672.513)
Số dư cuối kỳ này	28.181.021.196	6.200.350	28.187.221.546

17.3 Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	15.500.000	15.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	15.500.000	15.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.500.000	15.500.000
Mệnh giá: 10.000 đồng/cp		

18. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CTCK

	30/06/2020	01/01/2020
- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	761.690.000	754.100.000
Cộng	761.690.000	754.100.000

19. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK

	30/06/2020	01/01/2020
- Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	800.000.000	800.000.000
Cộng	800.000.000	800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.***20. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2020	01/01/2020
- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.868.591.440.000	3.845.802.080.000
- Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	2.926.685.740.000	3.366.080.430.000
- Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	10.250.000.000	16.196.400.000
- Tài sản tài chính chờ thanh toán	223.100.000	1.741.800.000
Cộng	6.805.753.920.000	7.229.820.710.000

21. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VÀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

	30/06/2020	01/01/2020
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý.	41.669.307.146	20.672.161.276
1.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý.	41.669.307.146	20.672.161.276
2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.960.125.588	6.842.068.177
2.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	1.941.000.220	6.248.800.132
2.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	19.125.368	593.268.045
3. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	23.516.120	14.401.805
Cộng	43.652.948.854	27.528.631.258

22. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2020	01/01/2020
1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	41.304.507.087	27.278.129.123
1.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	41.285.381.719	24.281.759.867
1.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	19.125.368	2.996.369.256
Cộng	41.304.507.087	27.278.129.123

23. PHẢI TRẢ CỦA KHÁCH HÀNG VỀ LỖI GIAO DỊCH CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	30/06/2020	01/01/2020
Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	364.800.059	219.692.818
- Phải trả lãi tiền gửi cho khách hàng và thuế	364.800.059	219.692.818
Cộng	364.800.059	219.692.818

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Mẫu số B09-CTCK

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.***VI. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG****1. CHÉNH LỆCH TĂNG/GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ sách kế toán	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại		Chênh lệch thuần điều chỉnh trong kỳ	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND
				30/06/2020	01/01/2020			
I. Cổ phiếu niêm yết								
1	IDJ	533.949.910	944.409.140	410.459.230	151.587.280	258.871.950	298.038.423	(39.841.650)
2	Cổ phiếu niêm yết khác	272.000.000	590.000.000	318.000.000	38.000.000	280.000.000	280.000.000	-
		261.949.910	354.409.140	92.459.230	113.587.280	(21.128.050)	18.038.423	(39.841.650)
II. Cổ phiếu chưa niêm yết								
1	+ Công ty CP TM DL Địa ốc Đất Việt	414.789.760	10.530.880	(404.258.880)	(403.580.396)	(678.484)	1.500.220	(2.178.704)
		400.000.000	-	(400.000.000)	(400.000.000)	-	-	-
2	+ Cổ phiếu chưa niêm yết khác	14.789.760	10.530.880	(4.258.880)	(3.580.396)	(678.484)	1.500.220	(2.178.704)
Tổng cộng		948.739.670	954.940.020	6.200.350	(251.993.116)	258.193.466	299.538.643	(42.020.354)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.***2. LÃI TỪ CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	1.789.220.838	-
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	4.356.595.041	6.922.066.034
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	345.708.693	572.063.191
+ Lãi từ cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	345.708.693	572.063.191
- Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	92.327.446.092	4.173.419.112
+ Từ hoạt động môi giới trái phiếu	90.889.715.881	-
+ Từ hoạt động môi giới cổ phiếu	1.437.730.211	4.173.419.112
Cộng	98.818.970.664	11.667.548.337

3. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
- Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	182.194.787	-
+ <i>Chi phí đi vay cho hoạt động Margin</i>	<i>182.194.787</i>	<i>-</i>
- Chi phí hoạt động tự doanh	-	13.158.603.251
- Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	81.998.849.925	3.170.616.730
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.171.982.060	1.569.376.772
- Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	-	133.333.333
Cộng	83.353.026.772	18.031.930.086

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
- Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	267.867.346	799.224.404
Cộng	267.867.346	799.224.404

5. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
- Chi phí lãi vay	908.088.411	66.142.258
Cộng	908.088.411	66.142.258

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. ĐaKao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.***6. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
- Chi phí nhân viên	5.653.240.871	5.601.432.045
- Chi phí dụng cụ văn phòng	216.872.660	70.057.650
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.000.000	103.040.250
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.029.145.025	318.720.392
- Chi phí bằng tiền khác	494.387.720	239.754.604
Cộng	8.398.646.276	6.333.004.941

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
Lợi nhuận trước thuế	7.535.856.718	3.712.326.059
Điều chỉnh	1.224.517.190	(81.150.661)
a) Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán	1.536.331.466	18.414.510
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	42.020.354	18.414.510
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	1.494.311.112	-
b) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán	311.814.276	99.565.171
- Cổ tức và lợi nhuận được chia	12.275.633	39.251.822
- Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	299.538.643	60.313.349
Lỗ được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	8.760.373.908	3.631.175.398
- Thuế suất	20%	* 20%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.752.074.782	726.235.080
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.752.074.782	726.235.080

8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.783.781.936	2.986.090.979
- Trích quỹ khen thưởng phú lợi	(1.332.672.513)	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.451.109.423	2.986.090.979
- Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.500.000	15.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	287	193

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.***9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.783.781.936	2.986.090.979
- Trích quỹ khen thưởng phú lợi	(1.332.672.513)	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.451.109.423	2.986.090.979
- Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.500.000	15.500.000
- Cổ phần phổ thông dự kiến phát hành thêm	15.500.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	287	193

VII. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro này như tổng hợp dưới đây.

1. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 và ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị nợ thuần, tỷ suất giữa lãi suất cố định với lãi suất thả nổi của các khoản nợ và tỷ lệ các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ đều cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn, và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Độ nhạy lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền, các khoản tiền gửi và các khoản cho vay) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau:

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay, khoản cho vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty:

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020		
VND	+200	3.203.958.891
VND	-200	(3.203.958.891)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019		
VND	+100	1.788.968.986
VND	-100	(1.788.968.986)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết của Công ty trên Báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 955.615.197 VNĐ. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán/cổ phiếu có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty; tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

2. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản bảo đảm đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Các khoản cho vay

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách cho các khách hàng vay tiền khi đã đủ điều kiện về nguyên tắc, đối tượng, hạn mức, thời hạn cho vay và mục đích sử dụng tiền vay được quy định trong pháp luật có liên quan và trong Quy trình nghiệp vụ do Công ty ban hành.

Các khoản ủy thác đầu tư

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư bằng cách chỉ hợp tác với các đối tác có uy tín, có khả năng tài chính tốt và Công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ khoản phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư theo tiến độ thực hiện thỏa thuận hợp tác cũng như thời gian thanh toán. Ban Điều hành của Công ty đánh giá rằng các khoản phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư của Công ty liên quan đến các đối tác khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một đối tác nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.2. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

3. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Không kỳ hạn	Từ 03 - 12 tháng	Tổng cộng
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020			
- Vay ngắn hạn	-	84.653.802.454	84.653.802.454
- Phải trả người bán ngắn hạn	126.630.000.000	-	126.630.000.000
- Chi phí phải trả	56.711.422.402	-	56.711.422.402
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	221.899.833	-	221.899.833
Cộng	183.563.322.235	84.653.802.454	268.217.124.689
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019			
- Phải trả người bán ngắn hạn	16.248.752.211	-	16.248.752.211
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	221.899.833	-	221.899.833
Cộng	16.470.652.044	-	16.470.652.044

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng trả tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

4. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại thời điểm gần với thời điểm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09-CTCK

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao được xác định dựa trên báo giá hoặc giá trị tài sản ròng/giá trị sổ sách của đơn vị phát hành hoặc được xác định dựa trên đáng giá của Công ty về khả năng thu hồi của chứng khoán đầu tư. Trường hợp không có đủ nguồn thông tin đáng tin cậy để xác định thì giá trị hợp lý của các công cụ chưa niêm yết được phản ánh theo giá gốc.

5. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ là: 3.493.484.838 VNĐ (bao gồm thuế thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

Trong kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VNĐ)	Số dư (VNĐ)
Ông Dương Công Ái	Cổ Đông	Tạm ứng	6.000.000.000	4.548.517.866
Ông Nguyễn Thành Chung	Tổng GD	Tạm ứng	146.000.000	15.619.530
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng GD	Tạm ứng	65.000.000	-

6. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty báo cáo hoạt động trong kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 và ngày 30 tháng 06 năm 2019 theo các bộ phận kinh doanh: Bộ phận môi giới và dịch vụ khách hàng, bộ phận cho vay ký quỹ, bộ phận kinh doanh nguồn vốn và các bộ phận khác. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

06 tháng đầu năm 2020

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
- Môi giới và dịch vụ khách hàng	92.327.446.092	81.998.849.925	10.328.596.167
- Cho vay ứng trước	345.708.693	182.194.787	163.513.906
- Kinh doanh nguồn vốn	4.356.595.041	-	4.356.595.041
- Tự doanh	2.088.759.481	42.020.354	2.046.739.127
- Lưu ký chứng khoán	758.989.151	1.171.982.060	(412.992.909)
- Tư vấn tài chính	27.272.727	-	27.272.727
- Hoạt động khác	65.000.000	-	65.000.000
Cộng	99.969.771.185	83.395.047.126	16.574.724.059

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

06 tháng đầu năm 2019

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
- Môi giới và dịch vụ khách hàng	4.173.419.112	3.170.616.730	1.002.802.382
- Cho vay ứng trước	572.063.191	-	572.063.191
- Kinh doanh nguồn vốn	6.922.066.034	-	6.922.066.034
- TỰ DOANH	7.693.195.517	13.177.017.761	(5.483.822.244)
- Lưu ký chứng khoán	1.566.949.596	1.569.376.772	(2.427.176)
- Tư vấn tài chính	6.400.000.000	133.333.333	6.266.666.667
- Hoạt động khác	34.900.000	-	34.900.000
Cộng	27.362.593.450	18.050.344.596	9.312.248.854

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC VÀ SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN:

Ngày 28/4/2020, Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB đã công bố Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐCĐ ký ngày 28/4/2020 thông qua việc tiếp tục thực hiện phương án tăng vốn đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 06/01/2020. Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ Công ty từ 155 tỷ đồng lên 310 tỷ đồng.

Ngày 21/5/2020, Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB đã công bố Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐQT về việc triển khai phương án chào bán cổ phần riêng lẻ. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán nhằm bổ sung vào vốn chủ sở hữu nhằm tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty.

Ngày 13/7/2020, Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB đã nhận được Công văn số 4381/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước về việc nhận được hồ sơ chào bán cổ phần riêng lẻ và chấp thuận phương án chào bán cổ phiếu của Công ty.

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ.

8. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Kế toán trưởng
NGUYỄN THỊ NGỌC LÀNH
Tp. HCM, Ngày 14 tháng 08 năm 2020



Tổng Giám đốc
NGUYỄN THÀNH CHUNG